

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 218/2022/DS-PT

Ngày: 15 - 11 - 2022

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Y Phi Kbuôr

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Huồn

Ông Nguyễn Văn Bằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng Phúc - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đăk Lăk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Lăk: Bà Trương Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đăk Lăk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 219/2022/TLPT-DS ngày 19 tháng 10 năm 2022 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 44/2022/DS-ST ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đăk Lăk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 38/2022/QĐ-PT ngày 01 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Thị H – sinh năm: 1971; Địa chỉ: Số 10 LTK, tổ dân phố 4, thị trấn PA, huyện KP, tỉnh Đăk Lăk, có mặt.

- Bị đơn: Ông Trần Văn S - sinh năm: 1967, vắng mặt;

Bà Huỳnh Thị B – sinh năm: 1970, có mặt;

Địa chỉ: Số 93 QT, Tổ dân phố 8, thị trấn PA, huyện KPc, tỉnh Đăk Lăk.

- Người kháng cáo: Bị đơn bà Huỳnh Thị B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Phan Thị H trình bày:

Giữa tôi và vợ chồng ông Trần Văn S, bà Huỳnh Thị B là bạn bè quen biết làm ăn. Vào ngày 16/02/2016 âm lịch (tức là ngày 24/3/2016 dương lịch) vợ chồng ông S, bà B có đặt vấn đề vay của tôi số tiền 30.000.000 đồng để về khoan giêng, tôi đã đồng ý cho vợ chồng ông S, bà B vay số tiền nói trên, khi vay hai bên có xác lập 01 “Hợp đồng vay mượn tiền, có thể chấp” nhưng thực tế

ông S, bà B không thể chấp cho tôi bất kỳ tài sản nào. Vợ chồng ông Trần Văn S, bà Huỳnh Thị B ký tên xác nhận ở mục bên vay tiền. Hai bên thỏa thuận lãi suất vay là 1.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày. Thời hạn vay là 150 ngày, kể từ ngày 16/02/2016 âm lịch (tức là ngày 24/3/2016 dương lịch) đến ngày 15/7/2016 âm lịch (tức là ngày 17/8/2016 dương lịch). Từ khi vay đến nay ông S, bà B chỉ mới trả được cho tôi số tiền gốc 2.300.000 đồng (230.000 đồng x 10 ngày = 2.300.000 đồng), nguyện vọng của tôi là yêu cầu vợ chồng ông S, bà B trả cho tôi số tiền vay gốc còn lại là 27.700.000 đồng, tôi không yêu cầu tính lãi suất về khoản tiền vay này.

Tiếp đến ngày 11/11/2017 âm lịch (tức là ngày 28/12/2017 dương lịch) vợ chồng ông S, bà B vay thêm của tôi số tiền 35.000.000 đồng, mục đích vay là để về trả nợ Ngân hàng, tôi đã đồng ý cho vợ chồng ông S, bà B vay số tiền nói trên, khi vay hai bên có xác lập 01 “Hợp đồng vay mượn tiền, có thể chấp”. Lần vay này ông S, bà B cũng không thể chấp cho tôi bất kỳ tài sản nào. Ông Trần Văn S là người đại diện ký tên xác nhận ở mục người vay tiền. Hai bên thỏa thuận lãi suất vay bằng miệng là 1,1%/tháng, thời hạn vay là 300 ngày, kể từ ngày 11/11/2017 âm lịch (tức là ngày 28/12/2017 dương lịch) đến ngày 11/11/2018 âm lịch (tức là ngày 17/12/2018 dương lịch).

Tuy nhiên, kể từ khi vay số tiền 35.000.000 đồng cho đến nay vợ chồng ông S, bà B không trả cho tôi được bất kỳ số tiền nào mà còn hành hung, thách thức tôi. Vì vậy, tôi yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết buộc vợ chồng ông S, bà B phải có trách nhiệm hoàn trả cho tôi số tiền vay gốc còn nợ của hai Hợp đồng vay tiền nêu trên là 62.700.000 đồng và khoản tiền lãi suất phát sinh theo thỏa thuận của Hợp đồng vay tiền ngày 11/11/2017 âm lịch (tức là ngày 28/12/2017 dương lịch) với mức 1,1%/tháng, kể từ ngày 11/11/2017 âm lịch (tức là ngày 28/12/2017 dương lịch) cho đến ngày xét xử sơ thẩm hôm nay.

Bị đơn ông Trần Văn S, bà Huỳnh Thị B trình bày: Vợ chồng chúng tôi thừa nhận lời trình bày của bà Phan Thị H về việc vào ngày 16/02/2016 âm lịch (tức là ngày 24/3/2016 dương lịch) vợ chồng chúng tôi có vay của bà B số tiền 30.000.000 đồng và ngày 11/11/2017 âm lịch (tức là ngày 28/12/2017 dương lịch) vợ chồng tôi vay thêm của bà H số tiền 35.000.000 đồng, mục đích vay và sự thỏa thuận của hai bên về lãi suất vay, thời hạn trả là hoàn toàn đúng như bà Phan Thị H đã trình bày. Tuy nhiên, bà H làm đơn khởi kiện và cho rằng vợ chồng chúng tôi chỉ mới hoàn trả cho bà B được số tiền vay gốc 2.300.000 đồng của hợp đồng vay tiền ngày 16/02/2016 âm lịch là không đúng sự thật. Vì thực tế, sau khi vay của bà Phan Thị H tổng số tiền cả hai lần vay là 65.000.000 đồng thì vợ chồng tôi đã trả nợ dứt điểm cho bà Phan Thị H toàn bộ số tiền gốc và tiền lãi suất phát sinh theo thỏa thuận tại các hợp đồng vay tiền nhưng khi vợ chồng chúng tôi trả nợ cho bà Phan Thị H thì hai bên không xác lập giấy tờ gì và không có ai làm chứng. Do đó, vợ chồng chúng tôi không có tài liệu hay chứng cứ gì để chứng minh. Vợ chồng chúng tôi chỉ cung cấp được cho Tòa án 01 hợp đồng vay mượn tiền đề ngày 02/7/2018 âm lịch, đây là khoản tiền 35.000.000 đồng mà bà Huỳnh Thị B vay của bà Phan Thị H vào ngày 02/7/2018 âm lịch (tức là ngày 12/8/2018 dương lịch) để về đầu tư vốn

buôn bán, vì các khoản nợ cũ trước đó vợ chồng chúng tôi đã trả nợ dứt điểm cho bà Phan Thị H thì bà Phan Thị H mới cho vợ chồng tôi vay thêm số tiền này. Ngoài ra trong giấy vay tiền ngày 16/02/2016 âm lịch bà Phan Thị H có viết xác nhận chữ “đủ” tại dòng thứ 19 từ trên xuống để xác nhận việc vợ chồng tôi đã thanh toán đủ tiền cho bà Phan Thị H.

Nay vợ chồng chúng tôi yêu cầu Tòa án xem xét và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, không chấp nhận đơn khởi kiện của bà Phan Thị H.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 44/2022/DS-ST ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 184, Điều 195, Điều 203 và Điều 235 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào các Điều 429, Điều 463, khoản 1 Điều 466 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 2 Điều 27, khoản 1, khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị H.

Buộc vợ chồng ông Trần Văn S, bà Huỳnh Thị B phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà Phan Thị H tổng số tiền vay gốc và tiền lãi suất phát sinh tính đến ngày xét xử sơ thẩm 25/7/2022 là 84.118.833 đồng (tám mươi bốn triệu, một trăm mười tám nghìn, tám trăm ba mươi ba đồng). Trong đó, tiền vay gốc còn nợ là 62.700.000 đồng, tiền lãi suất phát sinh là 21.418.833 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về lãi suất trong giai đoạn thi hành án, án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/8/2022, bị đơn bà Huỳnh Thị B kháng cáo bản án sơ thẩm số 44/2022/DS-ST ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk với nội dung đề nghị cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án.

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Phan Thị H vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, bị đơn bà Huỳnh Thị B giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm về vụ án:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc còn lại 62.700.000 đồng là có căn cứ. Tuy nhiên, về lãi suất Tòa án cấp sơ thẩm tính bằng 1,1%/tháng là không đúng, mà phải tính bằng 10%/năm mới đúng.

Do vậy, chấp nhận một phần kháng cáo của bà Huỳnh Thị B, sửa Bản án sơ thẩm về phần lãi suất chỉ còn lại là 16.102.500 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bà B trong hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí Dân sự phúc thẩm là hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bà Huỳnh Thị B (ông Trần Văn S không kháng cáo), Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tài liệu, chứng cứ do các đương sự xuất trình thể hiện ngày 16/02/2016 âm lịch (ngày 24/3/2016 dương lịch) vợ chồng ông S, bà B có vay của bà Phan Thị H số tiền 30.000.000 đồng để khoan giếng, thời hạn vay là 150 ngày, kể từ ngày 16/02/2016 âm lịch (ngày 24/3/2016 dương lịch) đến ngày 15/7/2016 âm lịch (ngày 17/8/2016 dương lịch) và ngày 11/11/2017 âm lịch (ngày 28/12/2017 dương lịch) vợ chồng ông S, bà B vay thêm bà Phan Thị H số tiền 35.000.000 đồng để trả nợ cho Ngân hàng với thời hạn vay là 300 ngày, kể từ ngày 11/11/2017 âm lịch (ngày 28/12/2017 dương lịch) đến ngày 11/11/2018 âm lịch (ngày 17/12/2018 dương lịch).

Tại phiên tòa phúc thẩm bà B cho rằng các khoản vay thực chất là tiền chơi huê, bà B cho rằng ông bà đã thanh toán toàn bộ tiền gốc và lãi phát sinh cho bà Phan Thị H bằng hình thức trả góp hàng ngày mỗi ngày 200.000đồng nhưng không xác định được trong đó tiền gốc, lãi cụ thể là bao nhiêu.

Xét thấy, toàn bộ quá trình tham gia tố tụng tại cấp sơ thẩm bà B ông S xác nhận khoản tiền nguyên đơn khởi kiện là khoản nợ chung của hai vợ chồng ông bà vay để khoan giếng, trả nợ ngân hàng, lời khai của bà B là không thống nhất và cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Nguyên đơn chỉ thừa nhận vợ chồng ông S bà B mới thanh toán cho nguyên đơn được 2.300.000 đồng tiền gốc trong khoản vay ngày 16/02/2016. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Thị B.

Về lãi suất: Nguyên đơn trình bày lãi suất của cả hai khoản vay do các bên thỏa thuận bằng miệng là 1,1% nhưng hiện tại chỉ yêu cầu bà B ông S thanh toán tiền lãi của khoản vay gốc 35.000.000đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm ông S và bà B đều thừa nhận lãi suất các bên thỏa thuận miệng như lời trình bày của nguyên

đơn. Tuy nhiên, Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn bà Huỳnh Thị B thay đổi lời khai cho rằng các bên thỏa thuận miệng mỗi ngày vợ chồng ông bà phải trả tiền góp cho bà Phan Thị H là 200.000đồng/ngày cả gốc và lãi nhưng không xác định được lãi suất bao nhiêu và cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ để xem xét.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc vợ chồng ông Trần Văn S, bà Huỳnh Thị B phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà Phan Thị H khoản tiền vay gốc 62.700.000 đồng và tiền lãi suất phát sinh của khoản tiền vay 35.000.000đồng tính từ ngày vay 28/12/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất 1,1% là 21.418.833 đồng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Từ những phân tích nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận đơn kháng cáo của bà Huỳnh Thị B – giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 44/2022/DS-ST ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

[3] Về tiền lãi suất trong giai đoạn thi hành án: Bản án sơ thẩm tuyên kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự là chưa chính xác mà cần xác định lãi suất trong giai đoạn thi hành án được tính kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong theo quy định tại Điều 13, Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi xuất, phạt vi phạm. Tuy nhiên, do nguyên đơn không kháng cáo nên cần giữ nguyên bản án sơ thẩm. Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do đơn kháng cáo không được chấp nhận nên bà Huỳnh Thị B phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày kết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Không chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Thị B, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 44/2022/DS-ST ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 184, Điều 195, Điều 203 và Điều 235 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào các Điều 429, Điều 463, khoản 1 Điều 466 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 2 Điều 27, khoản 1, khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị H.

Buộc vợ chồng ông Trần Văn S, bà Huỳnh Thị B phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà Phan Thị H tổng số tiền vay gốc và tiền lãi suất phát sinh tính đến ngày xét xử sơ thẩm 25/7/2022 là 84.118.833 đồng (tám mươi bốn triệu, một trăm mười tám nghìn, tám trăm ba mươi ba đồng), trong đó tiền vay gốc còn nợ là 62.700.000 đồng, tiền lãi suất phát sinh là 21.418.833 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự

2. Về án phí:

2.1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trần Văn S và bà Huỳnh Thị B phải chịu 4.205.941 đồng (bốn triệu, hai trăm lẻ năm ngàn, chín trăm bốn mươi một đồng).

- Hoàn trả cho bà Phan Thị H số tiền 1.625.000 đồng (một triệu, sáu trăm hai mươi lăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà Phan Thị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Pắc theo biên lai thu tạm ứng án phí số 60AA/2021/0006577, ngày 26/10/2021.

2.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Huỳnh Thị B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí phúc thẩm, khấu trừ số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0016409, ngày 08/8/2022, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành

án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện KP;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Y Phi Kbuôr